

Năm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ21,600
Tiềm năng tăng/giảm: 6.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/10/2024)	20,350
Mã Bloomberg	HSG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	16,565-25,350
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	20,600
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	12,535
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	495
Slg CP lưu hành (tr.đv)	616
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	302
Slg CP NN được mua (tr.đv)	191
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	17.9%
Tỷ lệ freefloat	51.6%
Cổ đông lớn	HSIT (19.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg9	09-23A	09-24F	09-25F
DT thuần (tỷ đồng)	31,651	38,104	42,555
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,308	1,823	2,136
LNTT (tỷ đồng)	146	866	1,130
LNT ĐC (tỷ đồng)	27.9	694	833
FCF (tỷ đồng)	1,492	935	765
EPS ĐC (đồng)	45.3	1,127	1,353
DPS (đồng)	500	500	1,000
BVPS (đồng)	17,475	17,104	17,457
T.trưởng EBITDA (%)	(25.0)	39.4	17.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	(88.4)	2,388	20.0
Tăng trưởng DPS (%)	nm	0	100
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	4.13	4.78	5.02
Tỷ suất LNTT (%)	0.46	2.27	2.65
Tỷ suất LNT ĐC (%)	0.09	1.96	2.11
Tỷ lệ LN trả CT (%)	1,026	41.2	68.7
Nợ thuần/VCSH (%)	23.1	25.9	24.7
ROAE (%)	0.28	7.01	8.42
ROACE (%)	1.62	7.02	9.95
EV/doanh thu (lần)	0.47	0.40	0.35
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.4	8.27	7.01
P/E ĐC (lần)	449	18.1	15.0
P/B (lần)	1.16	1.19	1.17
Lợi suất cổ tức (%)	2.46	2.46	4.91

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

HSG là một trong những doanh nghiệp đầu ngành thép Việt Nam với hệ thống phân phối rộng khắp. Các sản phẩm chính của HSG bao gồm tôn thép, ống thép và ống nhựa.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q4/NĐTC 2023-2024: Lợi nhuận kém xa dự báo do chi phí bán hàng & quản lý và trích lập dự phòng

- HSG ghi nhận lỗ thuần 186 tỷ đồng trong Q4/NĐTC 2023-2024 (năm tài chính kết thúc vào tháng 9) – so với lợi nhuận thuần 440 tỷ đồng và 273 tỷ đồng trong Q4/NĐTC 2022-2023 và Q3/NĐTC 2023-2024 – do ảnh hưởng từ việc trích lập dự phòng 122 tỷ đồng.
- Loại trừ các khoản mục không thường xuyên thực tế/dự báo, lỗ HĐKD cốt lõi của HSG trong quý sẽ ở mức 135 tỷ đồng – so với lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi 163 tỷ đồng trong Q4/NĐTC 2022-2023 và dự báo lợi nhuận của HSC ở mức 65 tỷ đồng – do tỷ suất lợi nhuận gộp giảm và chi phí bán hàng & quản lý tăng.
- Với kết quả trên, lợi nhuận thuần/lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi trong NĐTC 2023-2024 đạt lần lượt 510 tỷ đồng và 486 tỷ đồng, cao hơn nhiều so với năm ngoái, trên doanh thu thuần 39,3 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 24%). Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/NĐTC 2023-2024

HSG công bố KQKD Q4/NĐTC 2023-2024 đáng thất vọng. Do chi phí bán hàng & quản lý tăng mạnh cùng với tỷ suất lợi nhuận gộp giảm (ngoài ra còn có các khoản lỗ không thường xuyên), HSG ghi nhận lỗ thuần 186 tỷ đồng trong Q4/NĐTC 2023-2024 (so với lợi nhuận thuần 440 tỷ đồng cùng kỳ năm ngoái và lợi nhuận 273 tỷ đồng trong Q3/NĐTC 2023-2024).

Nếu loại trừ các khoản trích lập dự phòng và lãi tỷ giá trong quý, lỗ HĐKD cốt lõi sẽ ở mức 135 tỷ đồng (so với lợi nhuận 163 tỷ đồng trong Q4/NĐTC 2022-2023 và 256 tỷ đồng trong Q3/NĐTC 2023-2024). Với kết quả trên, lợi nhuận thuần NĐTC 2023-2024 đạt 510 tỷ đồng, so với mức lợi nhuận 30 tỷ đồng trong NĐTC 2022-2023 nhưng thấp hơn dự báo của HSC ở mức 747 tỷ đồng.

Doanh thu thuần vững chắc, nhờ sản lượng tiêu thụ có khả năng phục hồi tốt

HSG báo cáo doanh thu Q4/NĐTC 2023-2024 ở mức 10,1 nghìn tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ (nhưng giảm 7% so với quý trước), đa phần nhờ sản lượng tiêu thụ tăng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/NĐTC 2023-2024, HSG

Lợi nhuận kém xa dự báo do chi phí bán hàng & quản lý và trích lập dự phòng cao

Tỷ đồng	Q4/2024	% so với cùng kỳ	% sv quý trước	2024	% tăng trưởng
Doanh thu thuần	10,109	24.7%	-6.7%	39,272	24.1%
Lợi nhuận gộp	849	-21.0%	-36.5%	4,253	39.0%
Lợi nhuận gộp HĐKD cốt lõi	971	-1.5%	-27.4%	4,483	81.7%
TS lợi nhuận gộp HĐKD cốt lõi	9.6%	-260bp	-270bp	11.4%	+360bp
Chi phí BH&QL	(1,058)	66.3%	2.7%	(3,840)	33.2%
Chi phí BH&QL/Doanh thu	10.5%	+270bp	+100bp	9.8%	+70bp
LNTT	(176)	-135.3%	-161.2%	541	270.5%
Dự phòng HTK	(122)	-237.2%	N/a	(229)	-138.7%
Lãi/lỗ tỷ giá	72	-19.8%	1580.1%	219	93.8%
Thu nhập thuần khác	2	-98.3%	-83.5%	41	-77.4%
LNTT cốt lõi	(128)	-169.2%	-147.5%	511	N/m
Lợi nhuận thuần	(186)	-142.2%	-168.0%	510	+16.0x
Lợi nhuận thuần "cốt lõi"	(135)	-182.8%	-152.8%	486	N/m

Nguồn: HSG, HSC

Theo Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), HSG bán tổng cộng 499.181 tấn thép trong quý (tăng 28% so với cùng kỳ nhưng giảm 3% so với quý trước) và 510.281 tấn sản phẩm (bao gồm thép và ống nhựa), tăng 29% so với cùng kỳ nhưng giảm 3% so với quý trước.

HSC ước tính giá bán bình quân Q4/NĐTC 2023-2024 giảm 2,4% so với cùng kỳ và 3,7% so với quý trước xuống 19,8 triệu đồng/tấn.

Với kết quả trên, doanh thu thuần NĐTC 2023-2024 của HSG đạt 39,3 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 24%, nhờ sản lượng tiêu thụ tăng 36% so với cùng kỳ lên 1.951.653 tấn.

...trong khi lợi nhuận thuần giảm mạnh do tỷ suất lợi nhuận thu hẹp

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q4/NĐTC 2023-2024 của HSG chỉ ở mức 8,4%, giảm mạnh từ mức 12,3% trong Q3/NĐTC 2023-2024 và 13,3% trong Q4/NĐTC 2022-2023. Dưới đây là những nguyên nhân chính:

Giá bán bình quân giảm 2,4% so với cùng kỳ và giảm 3,7% so với quý trước do giá thép toàn cầu giảm, bị ảnh hưởng từ thị trường Trung Quốc trong tháng 7-8/2024.

HSG ghi nhận trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 122 tỷ đồng trong quý, so với hoàn nhập dự phòng 89 tỷ đồng trong Q4/NĐTC 2022-2023 và không trích lập dự phòng trong Q3/NĐTC 2023-2024.

Loại trừ các khoản trích lập dự phòng, tỷ suất lợi nhuận gộp HĐKD cốt lõi đạt 9,6% trong giai đoạn này, thấp hơn 260 điểm cơ bản so với cùng kỳ và 270 điểm cơ bản so với quý trước do giá bán bình quân giảm.

Chi phí bán hàng & quản lý tăng mạnh 66% so với cùng kỳ và 3% so với quý trước lên 1.058 tỷ đồng trong Q4/NĐTC 2023-2024. Kết quả này cũng là nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận thấp hơn dự báo. Chi phí vận chuyển trong hoạt động xuất khẩu tăng mạnh (tăng gấp đôi so với cùng kỳ đạt 394 tỷ đồng) trong khi sản lượng xuất khẩu tăng 32% so với cùng kỳ và chi phí nhân công tăng mạnh (tăng hơn gấp đôi so với cùng kỳ do thưởng năng suất cao hơn so với cùng kỳ). Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận thuần thấp hơn dự báo. Do đó, tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu tăng mạnh lên 10,5% trong giai đoạn này, tăng 270 điểm phần trăm so với cùng kỳ và 100 điểm phần trăm so với quý trước. HSG cũng ghi nhận lãi tỷ giá 72 tỷ đồng trong Q4/NĐTC 2023-2024, giảm 20% so với cùng kỳ.

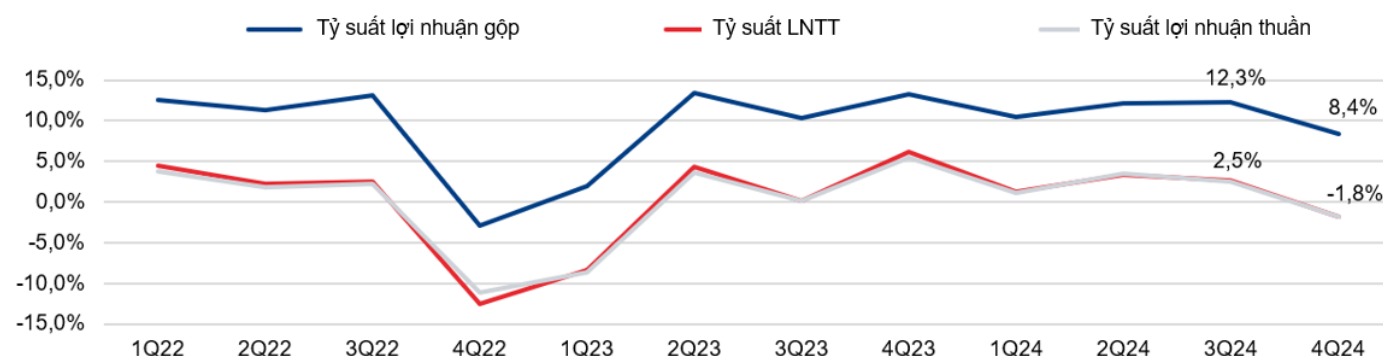
Xem xét lại khuyến nghị và mục tiêu

HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu, và dự báo lợi nhuận.

Hiện tại, chúng tôi khuyến nghị Nắm giữ đối với HSG, và xem đây là cổ phiếu ít hấp dẫn hơn so với các cổ phiếu ngành thép khác, đặc biệt trong thời gian giá HRC biến động. Chúng tôi ưa thích cổ phiếu HPG (Mua vào) ở giai đoạn này nhờ có triển vọng lợi nhuận tích cực và là đơn vị hưởng lợi chính của việc áp thuế chống bán phá giá đối với HRC nhập khẩu từ Trung Quốc và Ấn Độ.

Biểu đồ 2: Tỷ suất lợi nhuận hàng quý, HSG

Tỷ suất lợi nhuận thu hẹp do chi phí bán hàng & quản lý và trích lập dự phòng



Nguồn: HSG, HSC

Bảng 3: Sản lượng tiêu thụ thép, HSG

Sản lượng tiêu thụ tích cực

Tấn	Q4/2023	Q4/2024	So với cùng kỳ	So với quý trước	2023	2024	Tăng trưởng
Tổng sản lượng tiêu thụ	390,259	499,181	27.9%	-3.1%	1,399,113	1,909,653	36.5%
Trong nước	211,468	262,434	24.1%	-3.2%	770,464	958,903	24.5%
Xuất khẩu	178,791	236,747	32.4%	-3.0%	628,649	950,750	51.2%

Nguồn: VSA, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	09-22A	09-23A	09-24F	09-25F	09-26F
Doanh thu	49,711	31,651	38,104	42,555	48,180
Lợi nhuận gộp	4,939	3,061	4,294	5,105	6,476
Chi phí BH&QL	(4,355)	(2,884)	(3,544)	(4,043)	(4,674)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	584	177	750	1,062	1,803
Lãi vay thuần	(254)	(80.7)	60.2	(15.8)	(21.4)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	51.4	49.9	55.9	83.2	94.2
LN TT	381	146	866	1,130	1,875
Chi phí thuế TNDN	(130)	(116)	(119)	(234)	(517)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.02	(0.05)	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	251	30.0	747	896	1,358
Lợi nhuận thuần ĐC	234	27.9	694	833	1,263
EBITDA ĐC	1,744	1,308	1,823	2,136	2,592
EPS (đồng)	420	48.7	1,212	1,455	2,205
EPS ĐC (đồng)	391	45.3	1,127	1,353	2,050
DPS (đồng)	0	500	500	1,000	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	598	616	616	616	616
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	598	616	616	616	616
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	598	616	616	616	616

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	09-22A	09-23A	09-24F	09-25F	09-26F
Tiền & tương đương tiền	330	597	1,498	1,656	1,826
Đầu tư ngắn hạn	8.70	26.2	36.6	47.6	61.9
Phải thu khách hàng	1,452	2,322	2,477	2,979	3,373
Hàng tồn kho	7,395	7,629	9,145	9,788	10,600
Các tài sản ngắn hạn khác	649	701	953	1,064	1,205
Tổng tài sản ngắn hạn	9,835	11,275	14,109	15,535	17,064
TSCĐ hữu hình	5,755	4,833	3,752	2,707	1,957
TSCĐ vô hình	204	187	196	206	216
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	621	531	558	558	558
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	611	539	635	706	794
Tổng tài sản dài hạn	7,190	6,090	5,141	4,177	3,525
Tổng cộng tài sản	17,025	17,365	19,250	19,711	20,589
Nợ ngắn hạn	4,070	2,936	4,057	4,120	4,170
Phả trả người bán	1,040	2,885	3,810	3,830	3,854
Nợ ngắn hạn khác	625	433	437	555	657
Tổng nợ ngắn hạn	6,009	6,569	8,680	8,921	9,149
Nợ dài hạn	117	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0.71	0.71	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	117	0.71	0	0	0
Tổng nợ phải trả	6,142	6,585	8,698	8,942	9,173
Vốn chủ sở hữu	10,868	10,764	10,536	10,753	11,400
Lợi ích cổ đông thiểu số	16.0	16.1	16.1	16.1	16.1
Tổng vốn chủ sở hữu	10,884	10,780	10,552	10,769	11,416
Tổng nợ phải trả và VCSH	17,025	17,365	19,250	19,711	20,589
BVPS (đ)	18,171	17,475	17,104	17,457	18,507
Nợ thuần*/(tiền mặt)	3,857	2,339	2,559	2,463	2,345

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	09-22A	09-23A	09-24F	09-25F	09-26F
EBIT	584	177	750	1,062	1,803
Khấu hao	(1,160)	(1,131)	(1,073)	(1,074)	(790)
Lãi vay thuần	(254)	(80.7)	60.2	(15.8)	(21.4)
Thuế TNDN đã nộp	(385)	(54.1)	(86.6)	(169)	(375)
Thay đổi vốn lưu động	1,068	1,238	(599)	(1,241)	(1,348)
Khác	274	(629)	(1,42)	67.4	72.7
LCT thuần từ HKKD	2,845	1,866	1,012	850	988
Đầu tư TS dài hạn	(463)	(374)	(76.6)	(85.2)	(96.4)
Góp vốn & đầu tư	8.08	(17.6)	4.64	12.0	17.7
Thanh lý	47.0	41.6	62.4	62.4	62.5
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(408)	(350)	(9.52)	(10.8)	(16.2)
Cổ tức trả cho CSH	(0.39)	0	0	0	0
Thu từ phát hành CP	49.0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(2,699)	(1,251)	(70.9)	(658)	(787)
Khác	0.15	(0.01)	(30.1)	(22.9)	(15.8)
LCT thuần từ HĐTC	(2,651)	(1,251)	(101)	(681)	(803)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	493	330	597	1,498	1,656
LCT thuần trong kỳ	(215)	265	901	158	169
Ảnh hưởng của tỷ giá	51.8	1.54	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	330	597	1,498	1,656	1,826
Dòng tiền tự do	2,381	1,492	935	765	892

Các chỉ số tài chính	09-22A	09-23A	09-24F	09-25F	09-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	9.93	9.67	11.3	12.0	13.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	3.51	4.13	4.78	5.02	5.38
Tỷ suất LNT (%)	0.51	0.09	1.96	2.11	2.82
Thuế TNDN hiện hành (%)	34.1	79.4	13.8	20.7	27.6
Tăng trưởng doanh thu (%)	2.02	(36.3)	20.4	11.7	13.2
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(72.3)	(25.0)	39.4	17.2	21.4
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(94.2)	(88.1)	2,388	20.0	51.6
Tăng trưởng EPS (%)	(95.2)	(88.4)	2,388	20.0	51.6
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(95.2)	(88.4)	2,388	20.0	51.6
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	0	100	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	1,026	41.2	68.7	45.4
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	2.32	0.28	7.01	8.42	12.3
ROACE (%)	5.02	1.62	7.02	9.95	16.2
Vòng quay tài sản (lần)	2.28	1.84	2.08	2.18	2.39
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	4.87	10.6	1.35	0.80	0.55
Số ngày tồn kho	60.3	97.4	98.7	95.4	92.8
Số ngày phải thu	11.8	29.6	26.7	29.0	29.5
Số ngày phải trả	8.48	36.8	41.1	37.3	33.7
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	37.3	23.1	25.9	24.7	22.5
Nợ/tài sản (%)	25.7	17.7	22.0	21.9	21.3
EBIT/lãi vay (lần)	2.30	2.19	N/a	67.2	84.1
Nợ/EBITDA (lần)	2.51	2.35	2.32	2.02	1.69
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.64	1.72	1.63	1.74	1.87
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.32	0.47	0.40	0.35	0.31
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.18	11.4	8.27	7.01	5.73
P/E (lần)	48.4	418	16.8	14.0	9.23
P/E ĐC (lần)	52.1	449	18.1	15.0	9.92
P/B (lần)	1.12	1.16	1.19	1.17	1.10
Lợi suất cổ tức (%)	0	2.46	2.46	4.91	4.91

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn